

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 310

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Hòa Bình. B. Hải Phòng. C. Ninh Bình. D. Nam Định.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cà?

- A. Sông Cầu. B. Sông Hiếu. C. Sông Đà. D. Sông Thương.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Định An. B. Vân Phong. C. Nhơn Hội. D. Dung Quất.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Bắc Giang. C. Thái Nguyên. D. Lạng Sơn.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?

- A. Mỹ Tho. B. Tân An. C. Vũng Tàu. D. Biên Hòa.

Câu 46: Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. trồng cây theo băng.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. làm ruộng bậc thang.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng X. C. Tháng IX. D. Tháng VIII.

Câu 48: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. lở đất. B. trượt đất. C. xói mòn. D. cháy rừng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Pu Trà. B. Phu Luông. C. Tây Côn Lĩnh. D. Phanxipăng.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Biên Hòa. B. Cà Mau. C. Tây Ninh. D. Cần Thơ.

Câu 51: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng nhiệt đới. B. bán cầu Nam. C. bán cầu Tây. D. vùng xích đạo.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt. B. Chưa hội nhập vào khu vực.
C. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu. D. Khối lượng vận chuyển lớn.

- Câu 56:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?
 A. Phân bố đều khắp cả nước. B. Số du khách ngày càng đông.
 C. Có nhiều trung tâm nổi tiếng. D. Doanh thu ngày càng tăng.
- Câu 57:** Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?
 A. Có một mùa đông lạnh kéo dài. B. Nhiệt độ trung bình năm thấp.
 C. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa. D. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ.
- Câu 58:** Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?
 A. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
 C. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn. D. Ở phía đông thung lũng sông Hồng.
- Câu 59:** Cho bảng số liệu:

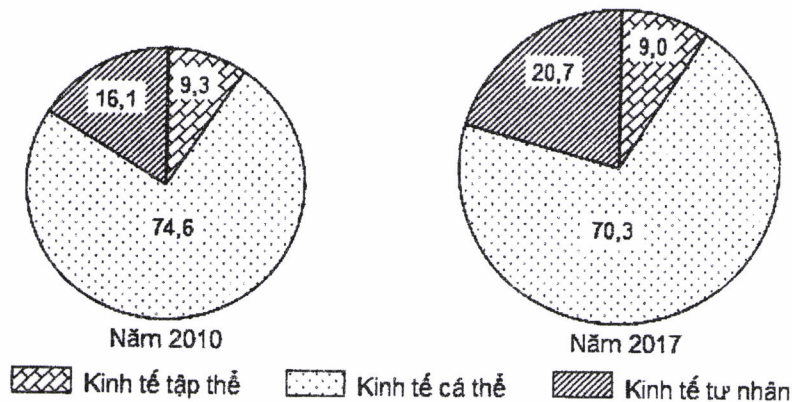
DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin.
 C. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. D. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
- Câu 60:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?
 A. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị. B. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng.
 C. Tập trung đông ở các đồng bằng. D. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi.
- Câu 61:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?
 A. Chuồng trại đã được đầu tư. B. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu.
 C. Lao động nhiều kinh nghiệm. D. Nguồn thức ăn ngày càng tốt.
- Câu 62:** Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?
 A. Trình độ rất cao. B. Số lượng cố định. C. Phân bố đồng đều. D. Cần cù, sáng tạo.
- Câu 63:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?
 A. Hội tụ được các thế mạnh. B. Được hình thành từ lâu đời.
 C. Cơ cấu ngành có thay đổi. D. Ranh giới có sự điều chỉnh.
- Câu 64:** Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm. B. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm.
 C. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm. D. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm.

Câu 65: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.
- B. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.
- C. một mùa đông lạnh và ít mưa.
- D. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.

Câu 66: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.
- B. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa.
- C. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.
- D. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
- B. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.
- C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.

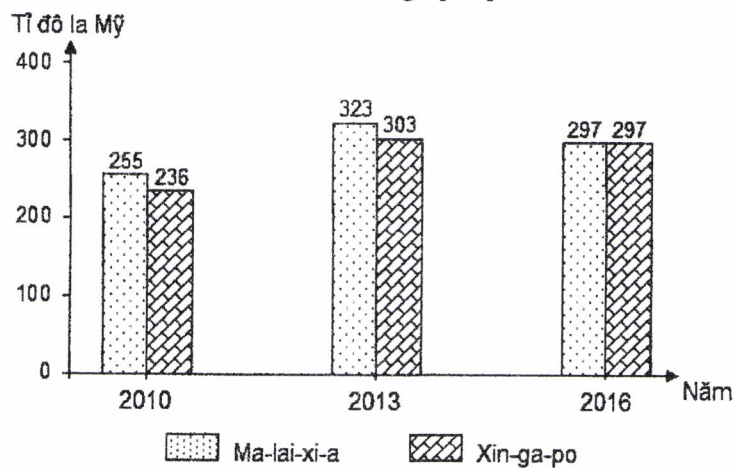
Câu 68: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.
- B. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.
- C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
- D. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.

Câu 69: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
- B. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.
- C. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.
- D. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.

Câu 70: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 71: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. phát triển giao thông vận tải, thông tin.
- B. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
- C. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành.
- D. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu.

Câu 72: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.
- B. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.
- C. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.
- D. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.

- Câu 73:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.
 - B. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
 - C. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
 - D. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

- Câu 74:** Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là
- A. phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.
 - B. sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
 - C. đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
 - D. chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.

- Câu 75:** Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do
- A. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lí.
 - B. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.
 - C. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.
 - D. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.

- Câu 76:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là
- A. phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
 - B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
 - C. thu hút lao động kĩ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.
 - D. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.

- Câu 77:** Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
 - B. bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.
 - C. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
 - D. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
 - B. Kết hợp.
 - C. Miền.
 - D. Tròn.
- Câu 79:** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
- A. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
 - B. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
 - C. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
 - D. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.
- Câu 80:** Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là
- A. phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.
 - B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.
 - C. đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.
 - D. tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kĩ thuật.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 311****Số báo danh:**

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Phu Pha Phong. B. Pha Luông. C. Kiêu Liêu Ti. D. Phu Luông.

Câu 42: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Ngập mặn. B. Lũ quét. C. Lụt úng. D. Cát bay.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Chu. B. Sông Cả. C. Sông Đà. D. Sông Mã.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Vân Đồn. B. Hòn La. C. Vũng Áng. D. Nghi Sơn.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Đà Nẵng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Lao Bảo. B. Cha Lo. C. Đồng Hới. D. Huế.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Quảng Nam. C. Phú Yên. D. Khánh Hòa.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng XII. C. Tháng X. D. Tháng IX.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Phú Yên.

Câu 51: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. lãnh hải. B. vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. vùng đặc quyền về kinh tế. D. nội thủy.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hà Giang. B. Bắc Kạn. C. Tuyên Quang. D. Thái Nguyên.

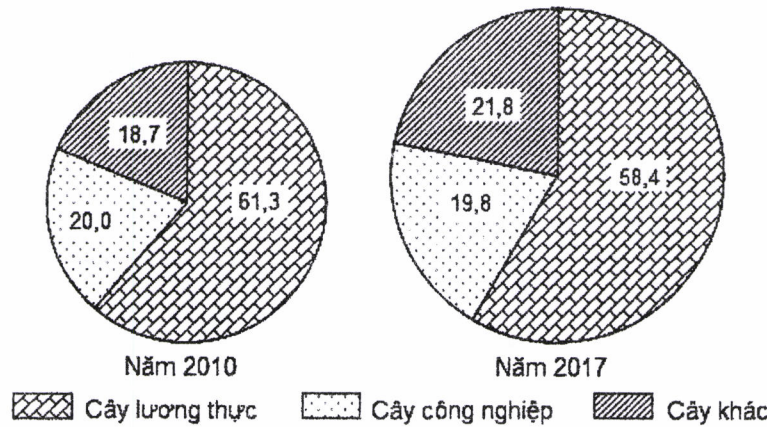
Câu 53: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. dùng thuốc diệt cỏ. B. đào hồ vẫy cá. C. tiến hành tăng vụ. D. bón phân thích hợp.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Sơn La. B. Hạ Long. C. Hải Phòng. D. Hà Nội.

Câu 55: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng. B. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm.
C. Cây lương thực giảm, cây khác tăng. D. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới phát triển rộng. B. Phương tiện ngày càng tốt.
C. Khối lượng vận chuyển lớn. D. Là ngành còn rất non trẻ.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Tập trung các hệ thống sông rất lớn. B. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo.
C. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. D. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng.

Câu 58: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma. B. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm đã được xuất khẩu. B. Có trình độ lao động rất cao.
C. Cơ cấu cây trồng có thay đổi. D. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm. B. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.
C. Được hình thành, phát triển từ lâu đời. D. Có cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, đồng bộ.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Quy mô nhỏ hơn nông thôn. B. Số lượng tăng qua các năm.
C. Tỉ lệ thấp hơn dân nông thôn. D. Phân bố đều giữa các vùng.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Hướng núi chính vòng cung. B. Thấp dần về phía đông bắc.
C. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ. D. Có nhiều cao nguyên badan.

Câu 63: Lao động nước ta **không** có thể mạnh nào sau đây?

- A. Số lượng đông và tăng. B. Cần cù và sáng tạo.
C. Lực lượng trẻ dồi dào. D. Có tính kỉ luật rất cao.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Loại hình sản phẩm rất đa dạng. B. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ.
C. Chỉ thu hút được khách nội địa. D. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ.

Câu 65: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- C. gió mùa Tây Nam.
- D. gió phơn Tây Nam.

Câu 66: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường.
- B. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu.
- C. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá.
- D. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.
- B. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- C. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.
- D. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

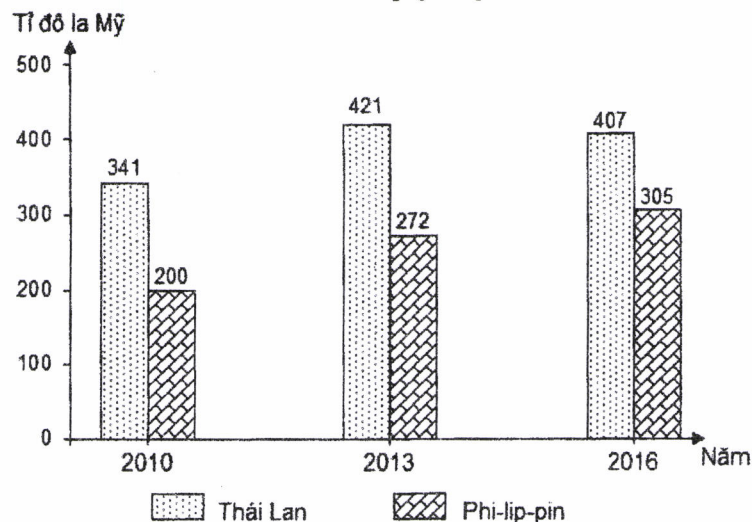
Câu 68: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là

- A. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.
- B. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
- C. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lí các tài nguyên.
- D. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 69: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.
- B. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.
- C. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- D. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.

Câu 70: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 71: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
- B. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau.
- C. các loại đất với đặc tính phù hợp.
- D. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.

Câu 72: Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

- A. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
- B. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.
- D. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
- B. hiện đại cơ sở vật chất kĩ thuật, mở rộng thị trường.
- C. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
- D. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
- B. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
- C. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
- D. đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với các nước.

Câu 75: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Đường.
- C. Kết hợp.
- D. Tròn.

Câu 76: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
- B. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lí tự nhiên.
- C. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.
- D. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
- B. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- C. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.
- D. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.
- B. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.
- C. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
- D. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.

Câu 79: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.
- B. phân bố sản xuất hợp lí ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.
- C. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
- D. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
- B. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.
- C. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lí.
- D. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 312

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Hòn La. B. Nhơn Hội. C. Chu Lai. D. Dung Quất.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Nậm Cắn. B. Đông Hà. C. Đồng Hới. D. Cầu Treo.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Mã. B. Sông Cầu. C. Sông Chu. D. Sông Cà.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng X. C. Tháng IX. D. Tháng XII.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Đà Nẵng. D. Quảng Nam.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hải Phòng. B. Yên Bái. C. Hạ Long. D. Thanh Hóa.

Câu 48: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Lũ quét. B. Trượt đất. C. Sóng thần. D. Cát bay.

Câu 49: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. vùng đặc quyền về kinh tế. B. thềm lục địa.
C. nội thủy. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Yên Bái. C. Phú Thọ. D. Lai Châu.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Phú Yên.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Pu Tha Ca. B. Phu Luông. C. Kiều Liêu Ti. D. Tây Côn Lĩnh.

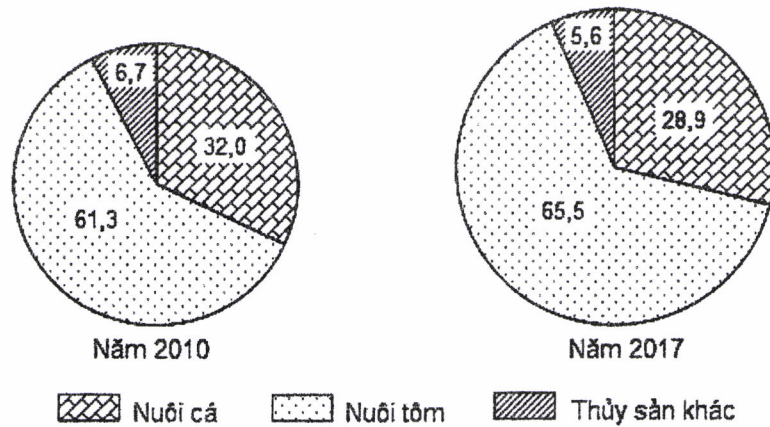
Câu 53: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. dùng thuốc diệt cỏ. C. bón phân hóa học. D. nông - lâm kết hợp.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Sóc Trăng. B. Bình Thuận. C. Bến Tre. D. Lâm Đồng.

Câu 55: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng.
B. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.
C. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng.
D. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm.

Câu 56: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.
B. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.
C. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
D. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Không có đồng bằng đất phù sa.
B. Có rất nhiều hệ thống sông lớn.
C. Hướng núi phổ biến bắc - nam.
D. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?

- A. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm.
B. Lao động đông đảo và có chất lượng cao.
C. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước.
D. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?

- A. Có các vùng chuyên canh.
B. Tập trung ở các đồng bằng.
C. Sử dụng nhiều giống tốt.
D. Chủ yếu là cây nhiệt đới.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đồng đều.
B. Trình độ rất cao.
C. Cơ cấu không đổi.
D. Số lượng đông đảo.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Núi cao nhất cả nước.
B. Thấp và hẹp ngang.
C. Có hướng vòng cung.
D. Có nhiều cao nguyên.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhiều điểm mới.
B. Thu hút nhiều vốn đầu tư.
C. Mùa đông dừng hoạt động.
D. Đa dạng hóa các loại hình.

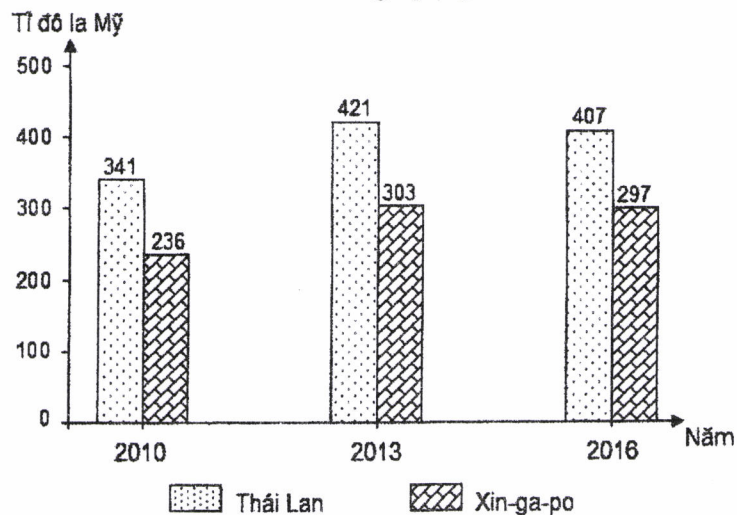
Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?

- A. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu.
B. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp.
C. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau.
D. Ngành non trẻ và phát triển nhanh.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị.
B. Số lượng đông hơn dân thành thị.
C. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp.
D. Trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 65: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 66: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. gió mùa Tây Nam.
- C. gió phơn Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 67: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

- A. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.
- B. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.
- C. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.
- D. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản.

Câu 68: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.
- B. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.
- C. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.
- D. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.

Câu 69: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.
- B. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.
- C. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt.
- D. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu.

Câu 70: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.
- B. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.
- C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
- D. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.

Câu 71: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.
- C. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
- D. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là

- A. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- C. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.
- D. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.

Câu 73: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
- B. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
- C. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.
- D. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Đường. C. Tròn. D. Miền.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
B. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
C. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
D. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.
B. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
C. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
D. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.
B. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
C. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
D. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.
B. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.
C. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.
D. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.
B. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.
C. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
D. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
B. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
C. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.
D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.